

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 11/2019/KDTM-ST

Ngày: 03/5/2019

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Kim Luyến

2. Ông Dương Minh Dũng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2018/TLST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2018 về “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty cổ phần vật liệu xây dựng T G N**

Địa chỉ: Xxx, ấp T C, xã P T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Trần H T** - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn V L (có mặt)**

Địa chỉ: xxxx T H T, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: **Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ vận tải L M 2**

Địa chỉ trụ sở: số xxx H C, phường A C, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn M H** - Giám đốc (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số xxx đường T V C, phường A H, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 20/5/2016 giữa Công ty cổ phần vật liệu xây dựng T G N (gọi tắt Công ty T G N) đã ký Hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn với Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ vận tải L M 2 (Gọi tắt là Công ty L M 2) để phục

vụ thi công Công trình TTTM Vincom - Hậu Giang theo Hợp đồng số 264/2016/HĐKT/TGN. Theo hợp đồng đã ký, Công ty T G N đồng ý bán bê tông trộn sẵn cho Công ty L M 2 khối lượng hàng hóa được giao từng đợt theo yêu cầu của bên mua. Vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng hai bên cùng đối chiếu xác nhận khối lượng bê tông tươi đã giao và bên bán xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty L M 2 làm cơ sở thanh toán. Bên mua có trách nhiệm thanh toán dứt điểm tiền hàng cho bên bán trong vòng 10 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tuy nhiên, Công ty L M 2 chưa thanh toán đầy đủ tiền mua hàng cho Công ty T G N. Công ty T G N đã nhiều lần yêu cầu Công ty L M 2 thanh toán nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Vì vậy, Công ty T G N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty L M 2 phải trả số tiền còn nợ là 298.960.000 đồng và yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Phía bị đơn Công ty L M 2 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến, do đó không thể hiện ý kiến về việc giải quyết vụ án.*

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn trình bày: vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Nhưng ngày 11/7/2018 bị đơn đã trả được được số tiền 54.190.000 đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 244.770.000 đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng T G N (gọi tắt Công ty T G N) và Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ vận tải L M 2 (Gọi tắt là Công ty L M 2) đã xác lập hợp đồng cung cấp bê tông. Quá trình thực hiện giao dịch, Công ty L M 2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Công ty L M 2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và mời tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3] Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số nợ 244.770.000 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 264/2016/HĐKT/TGN ngày 20/5/2016 thể hiện chữ ký và con dấu của bên A (bên bán) là Công ty cổ phần vật liệu xây dựng T G N (gọi tắt Công ty T G N) và bên B (bên mua) là Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ vận tải L M 2 (Gọi tắt là Công ty L M 2). Vì vậy, có cơ sở cho rằng giữa Công ty T G N và Công ty L M 2 đã xác lập hợp đồng mua bán bê tông với nhau. Căn cứ vào hợp đồng cũng như các phiếu xuất kho, biên bản giao nhận khối lượng bê tông và biên bản đối chiếu khối lượng thể hiện bị đơn đã mua của nguyên đơn các sản phẩm gồm bê tông M150, bê tông M250, bê tông M200R7, bơm bê tông, bơm bê tông đà, cột, chi phí vận chuyển với tổng số tiền là 298.960.000 đồng. Hình thức thanh toán, theo quy định tại Điều 3. Hợp đồng thể hiện ***“Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. Thời gian thanh toán: Vào ngày 15 và 30 hàng tháng bên A tổng hợp khối lượng bê tông thực tế đã cung cấp và xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Bên B thanh toán dứt điểm tiền hàng cho bên A trong vòng 10 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn”*** và theo 03 hóa đơn giá trị gia tăng vào các ngày 31/5/2016, ngày 01/6/2016 và ngày 01/10/2016 Công ty T G N xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với Công ty L M 2 với tổng số tiền thanh toán 298.960.000 đồng.

Xét thấy, ngày 31/5/2016 Công ty T G N đã giao hàng cho Công ty L M 2, hai bên đã thỏa thuận thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Nhưng đã quá thời hạn trên phía bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng mà nguyên đơn đã giao. Đối chiếu với biên bản xác nhận công nợ giữa Công ty T G N và Công ty L M 2 thể hiện tính đến ngày 30/6/2018 Công ty L M 2 xác nhận còn nợ Công ty T G N 298.960.000 đồng nhưng đến ngày 11/7/2018 Công ty L M 2 đã trả được cho Công ty T G N số tiền 54.190.000 đồng theo sao kê chi tiết giao dịch tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh KCN Biên Hòa nên có cơ sở khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 244.770.000 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 244.770.000 đồng theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng và Điều 50 Luật thương mại 2005.

-Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy yêu cầu này của các đương

sự có thể thỏa thuận thực hiện tại giai đoạn thi hành án. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Đối với việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền* nên phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, nhưng nguyên đơn không yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty L M 2 phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên án phí giá ngạch bị đơn phải nộp là: 12.238.500 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần vật liệu xây dựng T G N.

Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ vận tải L M 2 trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần vật liệu xây dựng T G N số tiền là 244.770.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa trả số tiền trên thì phải trả lãi theo lãi suất quá hạn trung bình liên ba Ngân hàng trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ vận tải L M 2 phải chịu 12.238.500 đồng (*Mười hai triệu hai trăm ba mươi tám ngàn năm trăm đồng*).

Nguyên đơn được nhận lại 7.474.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001681 ngày 16/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương) để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi